ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16384/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Sửa chữa, gia cố lề đường, mặt đường và hệ thống thoát nước ĐT.831 (đoạn Km12+500 ÷ Km13+500)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh và phân khai danh mục, mức vốn phân bổ còn lại cho các công trình để thực hiện bảo trì đường bộ năm 2026 do Sở Xây dựng làm Chủ đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho NSĐP năm 2026 và nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 11679/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10241/TTr-SXD ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Văn bản thẩm định số 10120/SXD-TĐPTGT ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, gia cố lề đường, mặt đường và hệ thống thoát nước ĐT.831 (đoạn Km12+500 ÷ Km13+500), với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, gia cố lề đường, mặt đường và hệ thống thoát nước ĐT.831 (đoạn Km12+500 ÷ Km13+500).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, nhóm C.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình đường bộ (đường ô tô) cấp III (theo Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

3. Mã định danh: Chưa thể tạo lập theo quy định.

4. Địa điểm xây dựng: xã Tuyên Bình, tỉnh Tây Ninh.

- Đường ĐT.831 đoạn từ Km12+797 – Km13+500, có tổng chiều dài thiết kế sửa chữa khoảng 703m.

- Điểm đầu: Km12+797, ĐT.831.

- Điểm cuối: Km13+500, ĐT.831.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Long An. Mã số doanh nghiệp: 1100624194.

8. Nhà thầu tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán: Công ty TNHH Đạt Toàn Thắng Long An. Mã số doanh nghiệp: 1101857265.

9. Mục tiêu dự án: Sửa chữa, gia cố lề đường, mặt đường và hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo thoát nước, đảm bảo an toàn giao thông, tăng tuổi thọ công trình và nâng cao hiệu quả khai thác của đoạn tuyến.

10. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế:

10.1. Quy mô đầu tư:

Sửa chữa, gia cố lề đường, mặt đường đoạn từ Km12+797 – Km13+500, cải tạo các cống ngang trên đoạn tuyến.

- Vận tốc thiết kế: 60Km/h;

- Tải trọng trục thiết kế: 10tấn.

- Mặt đường bê tông nhựa nóng C12.5 dày 7cm

+ Mô đun đàn hồi yêu cầu: Eyc > 133Mpa.

+ Độ tin cậy: K = 0,85.

+ Mô đun đàn hồi thiết kế (theo kết cấu thiết kế): Etk > 141MPa.

10.2. Giải pháp thiết kế:

10.2.1. Phần đường:

a) Thiết kế bình đồ

- Đầu tuyến: Lý trình Km12+797.

- Cuối tuyến: Lý trình Km13+500.

- Chiều dài tuyến: L=703m.

- Tim tuyến bám theo tim đường hiện hữu và dịch sang phải 5,25m so với tim đường hiện hữu, riêng đầu đoạn tuyến và cuối đoạn tuyến vuốt về hiện trạng.

b) Thiết kế trắc dọc

Trên cơ sở trắc dọc tuyến hiện trạng, cao độ thiết kế tim đường cơ bản bám theo cao độ đường hiện hữu cộng thêm chiều dày lớp vật liệu bù phụ nền đường và vật liệu tăng cường móng mặt đường. Cao độ tim đường thiết kế: +(4,95÷5,05)m. Riêng các điểm khống chế cao độ thiết kế vuốt về hiện trạng.

c) Thiết kế trắc ngang

- Đoạn từ Km12+740,00÷ Km12+797,00 (đoạn vuốt nối về hiện trạng)

+ Mặt đường hiện hữu cải tạo: 6,0m.

+ Mặt đường mở rộng bên phải: (0,00÷10,5)m.

+ Lề đường: 1,5m x 2bên=3,0m.

+ Nền đường rộng: (9,00÷19,50)m.

- Đoạn từ Km12+797,00 ÷ Km13+440,00

+ Mặt đường hiện hữu cải tạo: 6,0m.

+ Mặt đường mở rộng bên phải: 10,5m.

+ Lề đường: 1,5m x 2bên=3,0m.

+ Nền đường rộng: 19,5m.

- Đoạn từ Km13+440,00 ÷Km13+500,00

+ Mặt đường cải tạo: (6,0÷16,5)m.

+ Mặt đường mở rộng bên phải: (10,5÷0,0)m.

+ Lề đường: 1,5m x 2bên=3,0m.

+ Nền đường rộng: 19,50m.

d) Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường láng nhựa hiện hữu được cải tạo:

+ Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0Kg/m^2;

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại I bù phụ, đầm chặt K>0,98;

+ Mặt đường hiện hữu cày tạo nhám trước khi bù phụ lớp cấp phối đá dăm;

- Kết cấu mặt đường mở rộng:

+ Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0Kg/m^2;

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại dày 45cm, đầm chặt K>0,98.

+ Lớp vải địa kỹ thuật ART25;

- Kết cấu mặt đường vuốt nối:

+ Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0Kg/m^2;

+ Mặt đường hiện hữu cày xới, ban gạt, bù phụ cấp phối đá dăm loại I đạt cao độ thiết kế, K>0,98.

e) Nền đường:

- Trong phạm vi mặt đường mở rộng, nền đường đào đến cao độ thiết kế, đắp trả lớp cát lấp, đầm chặt K≥0,95. Riêng 60cm trên cùng tiếp giáp lớp cấp phối đá dăm loại 1, đầm chặt K≥0,98;

- Lề đường đắp bằng đất tận dụng (có chọn lọc) từ đất đào nền đường hiện hữu, lu lèn đầm chặt K≥0,95. Mái dốc taluy nền đường m=1:1,5. Cục bộ các đoạn đắp qua ao, mương dọc tuyến, chân taluy được gia cố bằng cừ tràm (đóng hai hàng cừ mật độ 16 cây/md, quy cách cừ tràm L=4,00m/cây, Øngọn=(4,0÷4,5)cm, Øgốc=(8÷10)cm và cừ bạch đàn 10 cây/md, quy cách cừ bạch đàn L=7,50m/cây, Øngọn=(5,0÷6,0)cm, Øgốc=(12÷14)cm).

g) Kết cấu lề đường:

- Lề đường: Đắp đất tận dụng từ đất đào nền đường, đầm chặt K≥0,95;

- Taluy: Đắp taluy tạo mái dốc 1:1,5 bằng đất tận dụng từ đào nền, đầm chặt K ≥ 0,95.

10.2.2. Hệ thống thoát nước:

- Nối dài cống thoát nước ngang đường tại Km12+805,14 và Km13+407,26 có khẩu độ 2Φ150 thêm 12,5m, với kết cấu:

+ Ống cống bê tông cốt thép đúc sẵn có khẩu độ Ø150cm, chiều dài mỗi đốt (2,00÷3,00)m loại chịu hoạt tải H30-XB80;

+ Móng cống bằng BTCT M250, đá 1x2;

+ Mối nối ống cống bằng Joint cao su và xảm vữa;

+ Lớp cát đệm móng đầm chặt dày 20cm;

+ Nền móng cống và chân khay được gia cố cừ tràm dài 4.0m với mật độ 25cây/m^2.

* Tường đầu, tường cánh, sân cống:

+ Bằng BTXM M200, đá 1x2;

+ Lớp cát đệm móng đầm chặt dày 20cm;

+ Nền móng cống và chân khay được gia cố cừ tràm dài 4.0m với mật độ 25cây/m^2.

* Tường chắn: Bằng BTCT M250 đá 1x2, dày 25cm trên lớp BTXM lót M150 đá 1x2, dày 10cm.

* Gia cố mái taluy:

- Mái taluy:

+ Đan lục giác đều cạnh 14cm bằng BTXM M200 đá 1x2, dày 7cm;

+ Lớp vữa mác 75, dày 2cm;

+ Bêtông lót M150 đá 1x2, dày 8cm;

+ Lớp nilon ngăn cách;

+ Đắp đất, lu lèn nền đạt độ chặt K> 0,95;

- Chân khay:

+ Chân khay (50x70)cm bằng BTXM M200, đá 1x2;

+ Lớp đệm móng BTXM M150 đá 1x2, dày 10cm;

+ Lớp cát đệm móng đầm chặt dày 20cm;

+ Móng cống và chân khay được gia cố cừ tràm dài 4,0m với mật độ 25cây/m^2;

10.2.3. Hệ thống an toàn giao thông.

Tận dụng lại hệ thống an toàn giao thông hiện hữu trên tuyến, thực hiện di dời và thay mới các trụ biển báo, cọc Km và sơn hoàn trả vạch sơn theo đúng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024 của Bộ GTVT.

11. Số bước thiết kế, Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

Thiết kế 01 bước; Danh mục tiêu chuẩn theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật do đơn vị tư vấn lập và theo văn bản thẩm định số: 10120/SXD-TĐPTGT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng dự án *(làm tròn)*: **19.583.335.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười chín tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	16.253.942.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	336.241.000	đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 1.090.434.000 đồng
- Chi phí khác 320.426.000 đồng
- Chi phí dự phòng 1.582.292.000 đồng

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn bảo trì đường bộ năm 2026 - 2027.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Sở Xây dựng) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện công trình.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định, đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Chủ tịch UBND xã Tuyên Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm